**LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 27:** Từ ngày: 29/03/2021 đến 2/04/2021  **Cách ngôn: *Trọng thầy mới được làm thầy.***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ** | **Buổi** | **Môn** |  **Tên bài dạy**  |
| Hai29/3 | Sáng | ***Tiếng Việt*** | Kiến và chim bồ câu(T.1) |
| ***Tiếng Việt*** |  Kiến và chim bồ câu (T2) |
| ***Toán*** |  Phép trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số (T1) |
|  |  |
| Chiều | HĐTN |  |
| Mĩ thuật |   |
| GDTC |  |
| Đạo đức |  |
| Ba 30/3 | Sáng | ***Tiếng Việt*** | Kiến và chim bồ câu (T.3) |
| ***Tiếng Việt*** |  Kiến và chim bồ câu (T.4) |
| ***Luyện Toán*** | Ôn luyện trong tuần (T.1)  |
|  |  |
| Chiều | ***Tiếng Việt*** | Ôn bài: Kiến và chim bồ câu  |
| ***TNXH*** |  Ăn uống hằng ngày (T1) |
| ***HĐTN*** | Em tham gia các hoạt động xã hội  |
|  |  |
| Tư 31/3 | Sáng | ***Tiếng Việt*** | Câu chuyện của rễ (T.1)  |
| ***Tiếng Việt*** | Câu chuyện của rễ (T.2) |
| ***GDTC*** | x |
| ***Toán*** | Phép trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số (T2) |
| Năm 1/4 | Sáng | ***Tiếng Việt*** |  Câu hỏi của sói (T.1) |
| ***Tiếng Việt*** |  Câu hỏi của sói (T.2) |
| ***Luyện TV*** |  Câu chuyện của rễ |
|  |  |
| Chiều | ***Tiếng Việt*** | Ôn bài: Câu hỏi của sói |
| ***Toán*** | Phép trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số (T3) |
| ***Luyện Toán*** | Ôn luyện trong tuần (T.2) |
| *THXH* | Ăn uống hằng ngày (T2) |
| Sáu 2/4  | Sáng | ***HĐTN*** | Sinh hoạt lớp tuần 27 |
| *GDKNS* | x |
| ***Tiếng Việt*** | Câu hỏi của sói (T.3)  |
| ***Tiếng Việt*** | Câu hỏi của sói (T.4)  |
| Chiều | ***Đọc-ATGT*** |  |
| *Âm nhạc* |  |
| ***T,Anh*** |  |
| *T.Anh* |  |

 Thứ hai ngày 29 tháng 3 năm 2021

**Tiếng Việt : Bài 1 : KIẾN VÀ CHIM BỒ CÂU (T1,2)**

**I. MỤC TIÊU**

1.**Phát triển kĩ năng đọc**: Đọc đúng, rõ ràng một câu chuyện ngắn và đơn giản, có lời thoại; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh.

**2.Phát triển kĩ năng viết:** Viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc.

3**Phát triển phẩm chất và năng lực chung:** Ý thức giúp đỡ lẫn nhau khi hoạn nạn, khả năng làm việc nhóm.

**II CHUẨN BỊ**

1. Kiến thức ngữ văn

- GV nắm đặc điểm của truyện ngụ ngôn , nắm được nội dung của VB Kiến và chim bồ câu , cách thể hiện đặc điểm nhân vật và quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện . Ê - dốp , La Phông - ten và Lép Tôn - xtôi là những tác giả của những câu chuyện ngụ ngôi nổi tiếng trên thế giới

 - GV nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB ( vùng vẫy , nhanh trí , thợ săn ) và Cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này

 2. Phương tiện dạy học Tranh minh hoạ có trong SGK được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp , máy chiếu , màn hình ,

**II HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  |
| GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm về hành động của những người trong tranh  - Những người trong tranh đang làm gì ? - GV đưa ra những gợi ý để HS trả lời câu hỏi . GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời , sau đó dẫn vào bài đọc Kiến và chim bồ câu. | HS quan sát tranh và trao đổi nhóm về hành động của những người trong tranh -HS trả lời-Nhắc lại đề |
| **2. Đọc**  |
| - GV đọc mẫu toàn VB Kiến và chim bồ câu -HS đọc câu + Đọc nối tiếp từng câu lần 1. + Hướng dẫn đọc một số từ ngữ khó . +Theo dõi , sửa sai+ Đọc nối tiếp từng câu lần 2. GV hướng dẫn HS đọc những câu dài . +Theo dõi , sửa sai-Đọc đoạn : + GV chia đoạn ( đoạn 1 : từ đầu đến leo được lên bờ ; đoạn 2 : tột hôm đến liền bay đi ; đoạn 3 : phần còn lại ) . lượt .+ GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài , ( vùng vẫy : hoạt động liên tiếp để thoát khỏi một tình trạng nào đó : nhanh trư : suy nghĩ nhanh , ứng phó nhanh ; thợ săn : người chuyên làm nghề săn bắt thủ rừng và chim ) + HS đọc đoạn theo nhóm - Gọi đọc nhóm trước lớp.- Nhận xét, tuyên dương- Đọc thành tiếng toàn VB . - GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi .  | -Lắng nghe-HS đọc nối tiếp câu -Luyện đọc : vùng vẫy, nhanh trí , giật mini ,-Luyện đọc : Nghe tiếng kêu cứu của kiến , bồ câu nhanh trí nhặt một chiếc lá / thả xuống nước ; Ngay lập tức , / nó bò đến cắn vào chân anh ta .  + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn -Lắng nghe-Đọc nhóm đôi- 2-3 nhóm đọc trước lớp.-HS đọc thành tiếng toàn VB |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3. Trả lời câu hỏi**  |
| a . Bồ câu đã làm gì để cứu kiến ? b . Kiến đã làm gì để cứu bồ câu? c . Em học được điều gì từ cầu chuyện này - Gọi HS trả lời- Nhận xét, tuyên dương | a . Bồ câu nhanh trí nhặt một chiếc lá thả xuống nước để cứu kiếnb , Kiến bò đến cắn vào chân người thợ săn .C. Câu trả lời mở , VD : Trong cuộc sống cần giúp đỡ nhau , nhất là khi người khác gặp hoạn nạn , ...- Trả lời, nhận xét. |
| **4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi b ở mục 3**  |
| - GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi b ( có thể trình chiếu lên bảng một lúc để HS quan sát ) - Hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở .  - GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu cầu ; đặt dấu chấm đúng vị trí . - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS . \*Nhận xét chung tiết học, dặn dò | -Lắng nghe-Viết câu trả lời vào vở: Kiến bò đến chỗ người thợ săn và cắn vào chản anh ta  |

 Thứ hai ngày 29 tháng 3 năm 2021

**Toán : BÀI 31: PHÉP TRỪ SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ**

 **CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (3T)**

**I. Mục tiêu:**

1. **Kiến thức:**

- Hiểu được ý nghĩa thực tế của phép trừ( hình thành phép trừ qua bài toán thực tế)

- Thực hiện được phép trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số.

2. **Phát triển năng lực:**

- Giải các bài toán thực tế có liên quan đến phép trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số.

- Rèn luyện tư duy, khả năng diễn đạt giao tiếp khi giải toán vui , trò chơi, toán thực tế.

**II. Đồ dùng dạy - học:**

GV: Que tính, các mô hình, vật liệu, xúc xắc,.. để tổ chức trò chơi trong bài học (SGK).

HS: Đồ dùng học toán 1.

**III. Các hoạt động dạy - học:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| 1. **Hoạt động 1: Khởi động:** 4’

- Trò chơi : Chuyền hoa- Thực hiện các phép tính khi được gọi tới tên mình.70 + 20 = ... 73 + 11 = ....34 + 26 = ... 13+ 22 = .....- GVNX**2.  Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới****1- Giới thiệu bài** (linh hoạt qua Trò chơi) 2’1. **Khám phá:** 10’

- GV cho HS quan sát tranh có 76 que tính, lấy đi 5 que tính.- GV yêu cầu HS lấy 7 bó que tính 1 chục và 6 que tính rời.- Nếu ta lấy đi 5 que tính thì chúng ta còn bao nhiêu que tính. Các em hãy thao tác trên những que tính chúng ta vừa lấy ra.-GVhướng dẫn điền vào mô hình: 7 chục và 6 đơn vị trừ đi 5 đơn vị -Thực hiện trên que tính để tìm kết quả- GV hướng dẫn HS đặt phép tính trừ 76 - 5 theo cột dọc rồi thực hiện phép tính.- Viết 76 rồi viết 5 dưới 76 sao cho đơn vị thẳng với cột đơn vị, viết dấu - , kẻ vạch ngang rồi tính từ phải sang trái.

|  |  |
| --- | --- |
| 76 | \* 6 trừ 5 bằng 1, viết 1 |
|  - | \* 7 trừ 0 bằng 7, viết 7 |
| 5 | Vậy: 76 – 5 = 71 |
| 71 |  |

- GV yêu cầu HS đếm lại số que tính sau khi lấy đi 5 que để kiểm tra kết quả phép tính trừ.**\* Tương tự cho VD với quả táo:****3. Hoạt động 3: Thực hành – luyện tập 15’****\* Bài 1: Tính**- Gọi HS nêu yêu cầu.- GV gọi 4 HS lên bảng thực hiện phép tính, dưới lớp HS thực hiện ở bảng con.- Gọi HS nhận xét bài trên bảng.- GV nhận xét.**\* Bài 2: Đặt tính rồi tính:**- Gọi HS nêu yêu cầu.- GV lưu ý HSnêu lại cách đặt tính.- Cho HS làm vào phiếu bài tập- Gọi HS nhận xét trên bảng nhóm- GV nhận xét, sửa sai.**\* Bài 3: Tìm chỗ đỗ cho xe otô : Trò chơi Ai nhanh hơn****-** GV yêu cầu HS tính nhẩm hoặc đặt tính, viết kết quả ra giấy nháp.-Tìm chỗ đõ cho xe- GV gọi 3-4 HS đọc kết quả.- GV nhận xét, tuyên dương**\* Bài 4: Giải bài tập:**- Gọi 2 HS đọc đề bài toán.- Muốn biết trên xe buýt còn lại bao nhiêu hành khách thì các em làm phép tính gì?- GV yêu cầu HS viết phép tính và kết quả ra vở.- GV chấm vở 1 số HS.- GV chốt đáp án.**4. Hoạt động 4: Củng cố, dặn dò: 2’****-**Nêu laị cách đặt tính và tính- NX chung giờ học - Dặn dò: về nhà ôn lại cách trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số.- Chuẩn bị bài: Luyện tập. | - CTHĐTQ lên tổ chức cho cả lớp cùng chơi .- HSNX (Đúng hoặc sai).- HS thao tác với que tính.- HS lấy que tính theo hướng dẫn của GV.- HS lắng nghe.-Tìm kết quả trên que tính- HS quan sát.- HS đếm lại số que tính, kiểm tra so với phép trừ GV hướng dẫn.- HS nêu yêu cầu.- HS thực hiện.- HS nhận xét- HS nêu yêu cầu.- HS lắng nghe.- HS viết kết quả vào phiếu bài tập-HS thực hiện.- HS nhận xét.- HS thực hiện.- HS Tìm nhanh kết quả của các phép tính- HS đọc kết quả.- HS nhận xét. - HS đọc to trước lớp.- Chúng ta phải thực hiện phép tính trừ. - HS thực hiện.-Nộp vở chấm-Vài học sinh nêu- HS lắng nghe, thực hiện. |

**TIẾT 2( Dạy thứ tư ngày 31/3/2021)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| 1. **Hoạt động 1:**  Khởi động.:4’

-2 HS lên đặt tính và thực hiện các phép tính trên bảng. Lớp làm bảng con.+ HS 1: 65 – 5+ HS 2: 97 – 6- GVNX | - Hs thực hiện. Lớp nhận xét, bổ sung. |
| **2.  Hoạt động 2: Luyện tập 28’****Bài 1: Tìm số thích hợp theo mẫu.**- GV cho HS nêu yêu cầu bài.a) 35 – 2 = ? (Bài mẫu).- 35 – 2 ta có thể lấy 35 – 1 mấy lần?- Gv hướng dẫn HS thực hiện - Gọi HS nhắc lại cách tính.b) 18 – 3 = ?- Tương tự bài mẫu, để thực hiện được 18 – 3 ta lấy 18 trừ 1 mấy lần?- Yêu cầu HS nêu cách tính. Gọi một vài HS nhắc lại.- HS thực hiện- Nhận xétc) 16 – 4 = ?- HS tự làm.- Khi thực hiện tính nhẩm các phép tình trừ đơn giản, ta có thể trừ dần 1 để tìm kết quả.**Bài 2: Đúng hay sai?**- Gọi HS nêu yêu cầu bài.- GV cho HS thảo luận nhóm đôi tự đặt tính và giải thích vì sao điền Đ, S?- GV gọi đại diện nhóm trình bày.- Nhận xét.**Bài 3: Hai phép tính nào có cùng kết quả?**- Gọi HS đọc yêu cầu.- GV yêu cầu HS thực hiện phép tính, tìm các phép tính có cùng kết quả.- GV hướng dẫn HS nối các phép tính cùng kết quả với nhau.- GV nhận xét.**Bài 4:** - GV nêu bài toán.+ Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì?- Để tìm số bạn thỏ, ta làm phép tính gì?- Cho HS tự thực hiện bài vào vở.- Nhận xét. | - HS theo dõi- 35 – 2 ta có thể lấy 35 – 1 hai lần.35 – 1 = 34, 34 – 1 = 33.- HS nhắc lại.- 18 – 3 ta lấy 18 trừ 1 ba lần.- 18 – 1 = 17, 17 – 1 = 16, 16 – 1 = 15. Vậy 18 – 3 = 15- HS thực hiện.- HS theo dõi.- HS làm bài.- HS theo dõi- HS nêu- HS thực hiện- Đại diện nhóm trình bày:a) Đb) S (sai khi trừ ở hàng chục)c) S (sai ở đặt tính)d) Đ- HS theo dõi.- HS nêu- HS tự thực hiện98 – 3 = 96 – 166 – 5 = 65 – 477 – 7 = 76 - 6- HS theo dõi.- HS theo dõi.- Có 18 bạn rùa và thỏ, rùa 8 bạn.- Tìm số bạn thỏ.- Ta thực hiện phép trừ: 18 – 8- 1 em làm bảng, lớp làm vở: 18 – 8 = 10- Hs theo dõi. |
|  **4: Củng cố, dặn dò: 3’**- NX chung giờ học- Dặn dò HS về nhà ôn lại cách trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số.- Xem bài giờ sau. |  |

**TIẾT 3 ( Dạy thứ năm ngày 1/4/2021)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.**  **Khởi động. 4’**-Gọi HS thực hiện tính nhẩm:+ HS 1: 67 – 4+ HS 2: 55 – 2+ HS khác nhận xét, nêu cách tính.- GVNX | - Hs thực hiện. Lớp nhận xét, bổ sung.- HS theo dõi |
| **2. Luyện tập – thực hành 24’****Bài 1: Đặt tính rồi tính.**- GV cho HS nêu yêu cầu bài.- Nhắc HS chú ý đặt thẳng cột.- Lớp thực hiện bảng con.- Nhận xét mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.**Bài 2: Số?**- Gọi HS nêu yêu cầu bài.- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, tự thực hiện phép cộng, trừ theo sơ đồ và tìm số thích hợp điền vào mỗi ô.- GV gọi đại diện nhóm trình bày.- Nhận xét.**Bài 3: Diều nào ghi phép tính có kết quả lớn hơn 55?**- Gọi HS nêu yêu cầu.- GV cho HS tính nhẩm tìm kết quả phép tính.- Gọi HS trình bày.- Diều nào có kết quả lớn hơn 55?- GV nhận xét.**Bài 4:** - Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?- GV nêu bài toán.+ Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì?- Để tìm số quả còn lại, ta làm phép tính gì?- Yêu cầu HS tính và điền phép tính vào ô trống cho phù hợp.- GV nhận xét. | - HS đọc yêu cầu- HS theo dõi.- HS làm bài.- HS theo dõi.- Tìm số thích hợp điền vào mỗi ô trống.- HS thực hiện nhóm- Đại diện nhóm trình bày:a) 57, 53b) 49, 42- HS theo dõi.- HS nêu- HS thực hiện59 – 2 = 57, 59 – 6 = 5359 – 9 = 50, 58 – 3 = 55- Diều màu vàng có kết quả lớn hơn 55.- HS theo dõi.- điền phép tính vào ô trống cho phù hợp.- HS theo dõi.+ Cây dừa có 48 quả, hái xuống 5 quả.+ Hỏi trên cây còn lại bao nhiêu quả?- Ta thực hiện phép trừ: 48 – 5- 48 – 5 = 43 - HS theo dõi. |
| **3. Vận dụng kiến thức vào thực tiễn:7’****Trò chơi: Lấy đồ chơi nào?**- Gv nêu cách chơi: Chia lớp thành 2 đội, mỗi đội cử ra 6 bạn, khi đến lượt, người chơi gieo xúc xắc. Đếm số chấm nhận được ở trên mặt xúc xắc. Lấy 49 trừ đi số nhận được. Lấy đồ chơi ghi số bằng kết quả phép tính. Trò chơi kết thúc khi lấy được 6 đồ chơi.- Tổ chức cho HS chơi- GV nhận xét trò chơi.- NX chung giờ học**\* Dặn dò:**- HS về nhà ôn lại cách trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số.- Xem bài giờ sau. | -Theo dõi- HS chơi trò chơi.- HS theo dõi. |

Thứ ba ngày 30 tháng 3 năm 2021

**Tiếng Việt : Bài 1 : KIẾN VÀ CHIM BỒ CÂU (T3,4)**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Phát triển kĩ năng viết:** Hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn ngắn.

**2.Phát triển kĩ năng nói và nghe:** Trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

**3.Phát triển phẩm chất và năng lực chung:** Ý thức giúp đỡ lẫn nhau khi hoạn nạn, khả năng làm việc nhóm; khả năng nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt câu hỏi.

- GD ĐP: Chủ đề 8: Học sinh Quảng Nam với 5 điều Bác Hồ dạy

Điều 3: Giúp đỡ bạn(hđ 7)

**II CHUẨN BỊ**

1. Kiến thức ngữ văn

- GV nắm đặc điểm của truyện ngụ ngôn , nắm được nội dung của VB Kiến và chim bồ câu , cách thể hiện đặc điểm nhân vật và quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện . Ê - dốp , La Phông - ten và Lép Tôn - xtôi là những tác giả của những câu chuyện ngụ ngôi nổi tiếng trên thế giới

 - GV nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB ( vùng vẫy , nhanh trí , thợ săn ) và Cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này

 2. Phương tiện dạy học Tranh minh hoạ có trong SGK được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp , máy chiếu , màn hình ,

**II HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

 **TIẾT 3**

|  |
| --- |
| **5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện cầu và viết câu vào vở** |
| - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả . GV và HS thống nhất các câu hoàn chỉnh .   GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS .  | HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câua . Nam nhanh trí nghĩ ngay ra lời giải cho câu đố .b . Ông kể cho em nghe một câu chuyện cảm động . - Viết vào vở. |
| **6. Kể lại câu chuyện Kiến và chim bồ câu**  |
| - GV yêu cầu HS quan sát các bức tranh trong SGK . GV gợi ý cho HS có thể chia nội dung câu chuyện Kiến và chim bồ của thành 4 đoạn nhỏ ( tương ứng với 4 tranh ) dựa vào đó để kể lại toàn bộ câu chuyện : + Kiến gặp nạn + Bồ câucứu kiến thoát nạn + Người thợ săn ngắm bắn chim bồ câu và kiến cứu chim bồ câu thoát nạn + Hai bạn cảm ơn nhau . - GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu các nhóm cùng xây dựng nội dung câu chuyện và mỏi bạn trong nhóm kể lại cho cả nhóm nghe câu chuyện đó .- GV yêu cầu đại diện một số nhóm kể câu chuyện trước lớp . GV nhắc lại bài học của câu chuyện Kiến và chim bồ câu để kết thúc buổi học : cần giúp đỡ những người khác khi họ gặp hoạn nạn ( Cần giúp đỡ nhau trong hoạn nạn . ) \*Nhận xét tiết học, dặn dò  | HS quan sát các bức tranh trong SGK -Các nhóm cùng xây dựng nội dung câu chuyện và mỏi bạn trong nhóm kể lại cho cả nhóm nghe câu chuyện đó .- Đại diện một số nhóm kểCác nhóm khác bổ sung , đánh giá |

 **TIẾT 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **7 , Nghe viết** |
| - GV đọc to cả đoạn văn .GV lưu ý HS một số vần đề chính tả trong đoạn viết . + Viết lùi đầu dòng , Viết hoa chữ cái đầu cấu , kết thúc câu có dấu chấm . + Chữ dễ viết sai chính tả : tiếng , kiến , nhanh , xuống , nước . - GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế , cầm bút đúng cách . Đọc và viết chính tả : + GV đọc từng câu cho HS viết . Mồi câu cần đọc theo từng cụm tử + GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi . + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi  + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS .  | -Nghe tiếng kêu cứu của kiến , bố cấu nhanh trí nhặt chiếc lá thả xuống nước Kiển bám vào chiếc lá và leo được lên bờ . -Luyện viết từ khó-HS ngồi đúng tư thế , cầm bút đúng cách .-HS viết vào vở-HS rà soát lỗi+ HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi |
| **8. Tìm trong hoặc ngoài bài đọc Kiến và chim bồ câu từ ngữ có tiếng chứa vẫn ăn , ăng , oat , oăt**  |
| GV nêu nhiệm vụ và lưu ý HS từ ngữ cần tìm có thể có ở trong bài hoặc ngoài bài . HS làm việc nhóm đôi để tìm và đọc thành tiếng từ ngữ có tiếng chứa các vần ăn , ăng , oat , oăt . HS nêu những từ ngữ tìm được . GV viết những từ ngữ này lên bảng . - Đọc đồng thanh | HS làm việc nhóm đôiđể tìm và đọc thành tiếng từ ngữ có tiếng chứa các vần ăn , ăng , oat , oăt .Một số ( 2 - 3 ) HS đánh vần , đọc trơn ; mỗi HS chi đọc một số từ ngữ-Lớp đọc đồng thanh một số lần . |
| **9. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói: Việc làm của người thợ săn là đúng hay sai ? Vì sao ?**  |
| - GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh . - GV gợi ý cho HS trả lời các câu hỏi để nói theo tranh .  Em nhìn thấy gì trong tranh ? Em nghĩ gì về hành động của người thợ săn ? Vì sao em nghĩ như vậy ? - GV yêu cầu HS làm việc nhóm , quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh , có dung các từ ngữ đã gợi ý . GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh . Các nội dung nói theo tranh có thể là : + Trả lời cho câu hỏi : Em nghĩ gì về hành động của người thợ săn ( không yêu loài vặt : phá hoại môi trường thiên nhiên ) + Trả lời cho câu hỏi : Vì sao em nghĩ như vậy ? ( Chim hót đánh thức em vào mỗi buổi sằng ; Chim là bạn của trẻ em ; Chim ăn sâu bọ phá hại mùa màng ... ) HS và GV nhận xét .  | HS làm việc nhóm , quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh , có dung các từ ngữ đã gợi ý |
| **10. Củng cố**  |
| - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học . GV tóm tắt lại những nội dung chỉnh GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học . - GV nhận xét , khen ngợi , động viên HS .  | . HS nêu ý kiến về bài học ( hiểu hay chưa hiểu , thích hay không thích , cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào ) . |

Luyện toán : BÀI 31 : PHÉP TRỪ SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (T1)

**I. MỤC TIÊU: Giúp HS**

 **1. Phát triển các kiến thức.**

* Hiểu được ý nghĩa thực tế của phép trừ (hình thành phép trừ qua bài toán thực tế).
* Thực hiện được phép trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số.

 **2. Phát triển các năng lực chung và phẩm chất.**

* Giải các bài toán thực tế có liên quan đến phép trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số.

Rèn luyện tư duy, khả năng diễn đạt giao tiếp khi giải toán vui, trò chơi, toán thực tế,..

II

**II. CHUẨN BỊ:**

**-**GV: Tranh, ảnh; bảng phụ, phiếu BT, bộ đồ dùng Toán 1.

 -HS: Bảng con, VBT.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **KHỞI ĐỘNG: 2’** |
| - GV cùng cả lớp hát- GV giảng giải, dẫn dắt vào bài học.- Ghi bảng: Phép trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số | - Cả lớp hát- HS nhắc lại tên bài |
| **LUYỆN TẬP:30’** |
| **Bài 1/53:** ***a. Tính*** - GV nêu yêu cầu đề.- YC học sinh nhắc lại yêu cầu đề.**-** GV cho HS làm bài vào vở.- GV quan sát, hỗ trợ các em.- GV gọi 2 HS lên bảng làm bài.- GV tổ chức nhận xét, chữa bài.- Khi tính cần lưu ý điều gi?***b. Tính nhẩm.***- GV nêu yêu cầu đề.- GV yêu cầu HS làm vào vở.- Gọi HS nêu bài làm của mình.- GV nhận xét.- Để tính nhẩm đúng chúng ta cần lưu ý gì?**Bài 2/53:** Đặt tính rồi tính- GV nêu yêu cầu của bài.- GV yêu cầu HS làm vở. 2 HS làm bảng phụ.- GV mời HS lên bảng chia sẻ bài làm cách đặt tính- GV cùng HS nhận xét.**Bài 3/54:** Nối (theo mẫu)-  GV nêu yêu cầu của bài.- GV hướng dẫn học sinh đặt tính ra nháp tìm kết quả các phép tính trên từng chiếc xe, sau đó làm vở.- GV mời HS lên bảng chia sẻ- GV cùng HS nhận xét.**Bài 4/54:** Viết số thích hợp vào ô trống:- GV nêu yêu cầu của bài.- GV mời Hs đọc đề bài toán- Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?- Muốn điền đúng vào ô trống ta cần làm thế nào?- GV mời HS lên bảng chữa bài.- GV cùng HS nhận xét. | - HS lắng nghe.- HS nhắc lại.- HS lên bảng- HS nhận xét, chữa bài.- HS trả lời.- HS lắng nghe.- HS thực hiện làm bài vào vở.- HS nêu bài làm.- HS trả lời. - HS đọc yêu cầu đề.- 2 HS lên bảng, cả lớp làm bài vào vở.- HS chia sẻ.- HS lắng nghe.-  Làm vào vở BT.- HS nêu miệng- HS nhận xét bạn- HS lắng nghe.- HS đọc đề bài toán.- HS trả lời.- HS chữa bài. |
| **VẬN DỤNG: 3’** |
| **4. Củng cố, dặn dò:****-** Bài học hôm nay con biết thêm điều gì?- Nhắc nhở, dặn dò HS hoàn thành các bài tập trong VBT.- Nhận xét tiết học, tuyên dương. | - HS chia sẻ. |

**Tiếng việt : TC Ôn bài : KIẾN VÀ CHIM BỒ CÂU**

**I. Mục tiêu**

Giúp HS:

*-* Hoàn thành những nội dung chưa kịp hoàn thành vào buổi sáng trong tuần ở vở tập viết .

- Củng cố và nâng cao một số kiến thức, kĩ năng đã học trong tuần 27 với bài “*Kiến và chim bồ câu"* .

+ Phát triển kĩ năng viết thông qua hoạt động viết lại đúng câu sau khi đã sắp xếp.

+ Phát triển kĩ năng đọc thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một câu chuyện ngắn và đơn giản.

+ Phát triển kĩ năng nói và nghe thông qua trao đổi về về nội dung văn bản.

 + Phát triển phẩm chất và năng lực chung: ý thức giúp đơ lân nhau; khả năng làm việc nhóm.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Gv: Tranh minh hoạ, văn bản nội dung bài “*Kiến và chim bồ câu*”

- Gv: Tranh minh hoạ, văn bản nội dung bài " *Năm người bạn "*

- Hs: Vở tập viết , vở bài tập Tiếng Việt.

**III. Các hoạt động dạy và học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **I- Khởi động:**- Hát .- GV dẫn vào nội dung ôn tập.**II- Luyện tập:****Hoạt động 1: Củng cố**- Khi gặp những người khó khăn, hoạn nạn chúng ta cần làm nhưững việc gì?- Nhận xét.**Hoạt động 2: Luyện tập***\* Đối với HS chưa hoàn thành bài trong tuần*- GV yêu cầu HS lấy vở Tập viết 1 tập 2 hoàn thành các nội dung còn lại.*\* Đối với HS đã hoàn thành bài trong tuần****1. Bài tập bắt buộc***- GV yêu cầu HS mở vở Bài tập Tiếng Việt 1 tập 2 trang 37.- Gọi HS đọc yêu cầu của bài tập bắt buộc.- GV nêu nhiệm vụ và cho HS thảo luận nhóm 2- Gọi các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận.- GV và HS thống nhất phương án đúng.*a. Kiến và chim bồ câu cảm ơn nhau.**b.Kiến và chim bồ câu là câu chuyện hay.*- Yêu cầu HS viết vào vở câu đúng- Gv chấm bài, nhận xét.***2. Luyện đọc mở rộng***- GV chiếu nội dung văn bản cần luyện đọc .***Năm người bạn*** Mắt, tai, mui, lươi và đôi tay là năm nguời bạn giúp ta nhận biết thế giới.Mắt giúp ta ngắm mây bay bồng bềnh từ trên trời cao.Tai giúp ta nghe được lời yêu thương của bố mẹ môi ngày.Lươi giúp ta nếm được vị ngọt lịm của từng miếng kem tan trong miệng. Mui giúp ta ngửi được hương hoa thơm ngát trong vườn. Đôi tay giúp ta nhận ra bộ lông mềm mại của mèo con đáng yêu.*(Sách TVL1-Tập2 Vì sự bình đẳng và dân chủ trong GD)*- GV đọc mẫu và yêu cầu HS đọc thầm văn bản.- Gọi HS đọc nối tiếp câu- Gọi HS đọc nối tiếp đoạn.- Yêu cầu HS trao đổi nhóm 4 về những gì đã đọc.- Gọi HS chia sẻ trước lớp.- Gọi HS nhận xét, bổ sungBài 2: VBT/37 ( Dành cho HS hoàn thành tốt)- Cho HS đọc yêu cầu- HS làm bài cá nhân- Cho HS đọc bài làm- GV nhận xét, bổ sung ( nếu có)**III- Nhận xét – Dặn dò:**- Nhận xét tiết học. | - HS nghe, hát và nhún nhảy theo.- Hs trả lời- nhận xét.- HS HT bài với sự giúp đỡ của GV.- HS mở vở.- HS đọc yêu cầu.- HS thảo luận nhóm.- Đại diện các nhóm trình bày.- Hs làm bài.- HS quan sát .- HS đọc thầm- HS đọc nối tiếp câu.- HS đọc nối tiếp đoạn.- HS trao đổi nhóm 4.- Đại diện các nhóm chia sẻ.- HS nhận xét, bổ sung (nếu có)- HS lắng nghe.- HS đọc - Hs làm việc cá nhân- HS đọc, HS nhận xét- HS lắng nghe |

**Tự nhiên xã hội :**

**BÀI 22: ĂN, UỐNG HẰNG NGÀY (2 TIẾT)**

**I.MỤC TIÊU**

*Sau bài học, HS sẽ:*

* Nói được tên các bữa ăn chính trong ngày; nêu được tên một số thức ăn, đồ uống có lợi cho sức khỏe, biết lựa chọn thực phẩm cho một bữa ăn đảm bảo cho sức khỏe.
* Nêu được các lợi ích của việc ăn, uống đầy đủ. Nói được một số biện pháp đảm bảo vệ sinh trong ăn, uống, nhận biết được sự cần thiết của việc thực hiện vệ sinh ăn, uống đối với sức khỏe.
* Có ý thức tự giác thực hiện việc ăn, uống đầy đủ, sạch sẽ, an toàn, có lợi cho sức khỏe, có kĩ năng ăn, uống đầy đủ và an toàn.

**II.CHUẨN BỊ**

GV: Hình SGK phóng to (nếu ), giỏ đi chợ, mô hình các loại thức ăn, rau củ, quả (bằng nhựa),…

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** |
| **1.Mở đầu: Khởi động** -GV tổ chức cho HS chơi trò chơi ‘’Ai nhanh? Ai đúng?’’ để vừa khởi động vừa ôn lại kiến thức về các bài trước: những việc nên làm, không nên làm để bảo vệ các giác quan.- GV nhận xét, vào bài mới**2.Hoạt động khám phá**- GV yêu cầu HS quan sát hình trong SGK- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm để nêu nội dung của hình - GV từ đó rút ra kết luận: hằng ngày cần ăn đủ 3 bữa chính (lưu ý thêm bữa phụ vào giữa buổi sáng hoặc đầu bữa chiều).*Yêu cầu cần đạt:* HS kể được tên các bữa ăn trong ngày.**4.Hoạt động thực hành***Yêu cầu cần đạt:* HS biết và nói được những việc nên và không nên làm để thực hiện ăn, uống đầy đủ hợp lí. HS có ý thức tự giác, ăn uống đầy đủ đảm bảo có lợi cho sức khỏe.-GV cho HS được bày tỏ ý kiến, thái độ của mình về những nội dung thể hiện ở các hình trong SGK-GV cho HS thảo luận nhóm, dán tranh theo nhóm, lên trình bày- GV nhận xét, góp ý- GV nhấn mạnh những thói quen ăn, uống tốt có lợi cho sức khỏe; ăn đủ chất, ăn nhiều loại thực phẩm, ăn đủ no, ăn đúng giờ, uống đủ nước và giữ gìn vệ sinh ăn uống để HS nhớ và có ý thức tự giác thực hiện.**3. Hoạt động vận dụng**- GV cho HS chơi trò chơi chọn thực đơn cho ba bữa trong ngày.- GV cho HS chơi theo nhóm. Các nhóm thảo luận và chọn thực đơn cho ba bữa ăn trong ngày, tiếp theo sử dụng giỏ đi chợ và chọn thức ăn cho ba bữa trong ngày. Sau đó các nhóm sẽ lên giới thiệu về các loại thức ăn, đồ uống mà nhóm mình đã chọn cho bữa tối và lí do vì sao nhóm mình lại chọn chúng, các bạn ở dưới sẽ nhận xét xem thực đơn mà nhóm trên bảng lựa chọn đã hợp lí và tốt cho sức khỏe chưa (có đủ chất và phù hợp với bữa tối không,…), phần trình bày có rõ ràng mạch lạc và hấp dẫn không,…-GV là người quan sát và có những kết luận cần thiết sau phần trình bày của các nhóm. *Yêu cầu cần đạt:* HS biết lựa chọn thực phẩm cho một bữa ăn đảm bảo sức khỏe.1. **Đánh giá**

-GV yêu cầu HS kể được tên các bữa ăn chính trong ngày, nêu được tên một số thức ăn, đồ uống có lợi cho sức khỏe, biết lên thực đơn một bữa ăn đảm bảo cho sức khỏe.1. **Hướng dẫn về nhà**

-Yêu cầu HS tự lên thực đơn 3 bữa ăn trong ngày.**\* Tổng kết tiết học**- Nhắc lại nội dung bài học- Nhận xét tiết học- Hướng dẫn hs chuẩn bị bài sau | - HS chơi trò chơi- HS lắng nghe- HS quan sát hình trong SGK- HS thảo luận nhóm- HS lắng nghe- HS bày tỏ ý kiến, thái độ của mình- HS thảo luận nhóm- HS lắng nghe-HS lắng nghe-HS tham gia trò chơi-HS chơi theo nhóm-Các nhóm theo dõi nhóm bạn-HS lắng nghe kết luận của GV-HS kể- HS lắng nghe- HS lắng nghe |
| **Tiết 2(Dạy thứ năm ngày 1/4/ 2021)** |
| **1.Mở đầu: Khởi động** -GV cho HS chơi trò chơi chuyền hoa .Các câu hỏi trong bong hoa có nội dung liên quan đến các kiến thức đã học ở tiết 1.1. **Hoạt động khám phá**

***Hoạt động 1***-HS quan sát hình trong SGK, thảo luận nhóm để nêu nội dung hình từ đó rút ra được lợi ích của việc, ăn uống đầy đủ.-GV nhận xét các nhóm-GV kết luận*Yêu cầu cần đạt:* HS nêu được các lợi ích của việc ăn, uống đầy đủ. Ăn, uống đầy đủ giúp em lớn dần lên, phát triển cân đối, có sức khỏe để học tập, vui chơi và tham gia các hoạt động thể thao.***Hoạt động 2***-GV tổ chức cho HS quan sát tranh và trao đổi để tìm ra các lí do khiến Minh bị đau bụng từ đó rút ra được kết luận: ‘’Ăn, uống an giàn giúp chúng ta khỏe mạnh và phòng tránh bệnh tật’’. -GV nhận xét, đánh giá-GV kết luận*Yêu cầu cần đạt:* HS nêu được một số nguyên nhân gây đau bụng có liên quan đến việc ăn, uống chưa đảm bảo vệ sinh (hàng rong), dùng tay bẩn lấy đồ ăn,… từ đó nhận thấy sự cần thiết phải thực hiện vệ sinh ăn uống để đảm bảo sức khỏe.1. **Hoạt động thực hành**

- GV tổ chức hoạt động nhằm giúp HS củng cố, tập hợp lại các việc làm, thói quen đảm bảo việc ăn, uống đầy đủ, an toàn. - Ở hình HS rửa hoa quả, GV đưa ra một tình huống: gọi 3 HS ở dưới lớp lên, đưa cho mỗi em một quả táo và nói: “Con ăn đi’’. -GV cùng cả lớp sẽ theo dõi phần xử lí của 3 HS trong tình huống trên và nhận xét, từ đó đi đến kiến thức. -GV nhận xét, kết luận*Yêu cầu cần đạt:*HS kể được tên các việc làm và biết cách thực hành ăn, uống sạch sẽ, an toàn.**Hoạt động vận dụng**-GV đưa ra tình huống: 1 gói bánh còn hạn sử dụng, quả cam bị mốc, một bắp ngô có ruồi đậu, yêu cầu HS lựa chọn ra các loại thức ăn, đồ uống an toàn theo ý mình và giải thích vì sao lại lựa chọn hoặc không lựa chọn các loại thức ăn, đồ uống đó.-HS nói với bạn về cách mình và người thân đã làm để lựa chọn thức ăn, đồ uống, thảo luận - GV nhận xét, góp ý- GV giúp HS để rút ra được cách lựa chọn thức ăn, đồ uống an toàn: Đầu tiên, với gói bánh cần phải xem hạn sử dụng trước khi ăn, bắp ngô thấy có ruồi bâu mất vệ sinh không được ăn ( còn bị ôi thiu). Qủa cam bị mốc có màu sắc khác lạ thì không được ăn. -GV nhấn mạnh: để đảm bảo an toàn trong ăn uống, trước khi ăn bất cứ thức ăn, đồ uống nào cần chú ý quan sát, kiểm tra đánh giá độ an toàn của chúng qua màu sắc, đồ uống nào cần chú ý quan sát, kiểm tra đánh giá độ an toàn của chúng qua màu sắc, mùi vị,… và cần tập thành thói quen.*Yêu cầu cần đạt:* HS nói được cách mình và người thân đã làm để lựa chọn thức ăn, đồ uống an toàn, từ đó hình thành cho mình các kĩ năng sử dụng các giác quan để kiểm nghiệm thực phẩm an toàn, sạch.1. **Đánh giá**

-HS nêu được lợi ích của việc ăn, uống đầy đủ, nêu được một số biện pháp đảm bảo vệ sinh ăn uống, có ý thức tự giác thực hiện việc ăn, uống an toàn có lợi cho sức khỏe.-Định hướng phát triển năng lực và phẩm chất: GV cho HS quan sát hình tổng kết cuối bài và thảo luận để trả lời các câu hỏi: +Minh và mẹ Minh đang làm gì? (xem chương trình dự báo thời tiết). +Tivi đã nói gì về thời tiết ngày mai? (trời nóng). +Mình đã nói gì với mẹ? +Bạn nào đã biết theo dõi thời tiết để chuẩn bị trang phục và đồ dung, ăn uống phù hợp,… như Minh? * GV kết luận
1. **Hướng dẫn về nhà**

-Yêu cầu HS xem trước bài Vận động và nghỉ ngơi.**\* Tổng kết tiết học**- Nhắc lại nội dung bài học- Nhận xét tiết học- Hướng dẫn hs chuẩn bị bài sau | -HS chơi trò chơi-HS quan sát hình trong SGK-HS thảo luận và trình bày- HS lắng nghe- HS quan sát tranh và trao đổi- HS trả lời- HS nhận xét- HS lắng nghe-HS thực hành theo yêu cầu của SGK và GV-HS xử lý hình huống-HS nhận xét bạn-HS lắng nghe-HS theo dõi-HS lựa chọn và chia sẻ với bạn-HS lắng nghe-HS lắng nghe- HS lắng nghe-HS nêu và lắng nghe-HS quan sát hình tổng kết cuối bài và thảo luận để trả lời các câu hỏi-Đại diện nhóm trình bày-Nhóm khác nhận xét, bổ sung- HS lắng nghe-HS lắng nghe-HS nhắc lại-HS lắng nghe |

**Hoạt động trải nghiệm: EM THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI**

1. **MỤC TIÊU:**HS có khả năng

 - Biết được những hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổ;

 - Có ý thức trách nhiệm với xã hội; biết yêu thương, chia sẻ với mọi người;

 - Tích cực tham gia một số hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi;

1. **CHUẨN BỊ:**
2. Giáo viên: Thiết bị phát nhạc, bài hát “Sức mạnh của nhân đạo” ( sáng tác Phạm Tuyên) hoặc một số bài hát về hoạt động xã hội phù hợp với HS lớp 1.
3. Học sinh: Thẻ có 2 mặt: mặt xanh/ mặt cười và mặt đỏ/ mặt mếu..
4. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| 1. **KHỞI ĐỘNG**

GV mở thiết bị phát nhạc bài hát “sức mạnh của nhân đạo”. | - HS nghe, nhún nhảy theo nhạc. |
| 1. **KHÁM PHÁ – KẾT NỐI**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu lợi ích của một số hoạt động xã hội và xác định những hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi.**GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trả lời câu hỏi:? Những hoạt động xã hội trong tranh đem lại lợi ích gì?? Ở lứa tuổi các em có thể tham gia hoạt động xã hội nào?? Khi tham gia các hoạt động xã hội em cảm thấy như thế nào?GV tổ chức cho đại diện các nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV kết luận. | - HS thảo luận N4: Quan sát tranh và trả lời câu hỏi:- Những hoạt động này đem lại lợi ích như giúp chia sẻ khó khăn với những người được giúp đỡ, dọn vệ sinh, nhổ cỏ… sẽ góp phần làm đẹp, giữ gìn khu di tích.- Em có thể tham gia các hoạt động như tặng sách, truyện, quần áo cũ, quyên góp tiền để ủng hộ bạn nghèo, nhặt cỏ, rác ở khu di tích…- Khi tham gia các hoạt động xã hội em cảm thấy cuộc sống của mình ý nghĩa hơn. |
| **Hoạt động 2: Chia sẻ những hoạt động xã hội em biết hoặc tham gia.****-** GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 2 để trả lời câu hỏi;? Đã bao giờ em giúp đỡ người khác chưa? Đó là việc gì?? Khi đó em cảm thấy thế nào?- GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp;+ Yêu cầu cá nhân HS xung phong chia sẻ trước lớp những điều đã chia sẻ với bạn cùng bàn.+ Mời các bạn khác nhận xét, bổ sung- GV nhận xét, khen ngợi HS. | - HS thảo luận, chia sẻ theo nhóm 2:- Nêu những việc đã từng làm để giúp đỡ người khác như: tặng quà cho các bạn có hoàn cảnh khó khăn trong trường, mua tăm tre ủng hộ người mù, quyên góp tiền ủng hộ vùng lũ lụt….- chia sẻ cảm xúc của mình: em vui vì đã giúp được người khó khăn hơn mình, cảm thấy tự hào vì bản thân đã làm được những việc có ích…- HS chia sẻ cá nhân trước lớp- Các bạn khác nhận xét, bổ sung. |
| **Củng cố - dặn dò**-Nhận xét tiết học-Dặn dò chuẩn bị bài sau | -HS lắng nghe |

 Thứ tư ngày 31 tháng 3 năm 2021

**Tiếng Việt : Bài 2 : CÂU CHUYỆN CỦA RỄ**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Phát triển kĩ năng đọc:** Đọc đúng, rõ ràng một bài thơ; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến nội dung bài thơ; nhận biết một số tiếng cùng vần với nhau, củng cố kiến thức về vần; thuộc lòng một khổ thơ và cảm nhận được vẻ đẹp của bài thơ qua vần và hình ảnh thơ; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh.

**2.Phát triển kĩ năng nói và nghe:** Thông qua hoạt động trao đổi về nội dung VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

**3.Phát triển phẩm chất và năng lực chung:** Đức tính khiêm nhường, khả năng làm việc nhóm; khả năng nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt câu hỏi.

**II. CHUẨN BỊ:**

1. Kiến thức ngữ văn GV nắm được đặc điểm vận , nhịp và nội dung của bài thơ Câu chuyện của rẽ ; nghĩa của một số từ ngữ khó trong bài thơ ( sắc thẳm , trĩu , chổi , khiêm nhường ) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này .

2. Phương tiện dạy học Tranh minh hoạ có trong SGK được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp máy chiếu , màn hình , bảng thông minh .

 **III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  |
| Ôn : HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó - Khởi động + GV yểu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi .  a . Cây có những bộ phận nào ? b . Bộ phận nào của cây khó nhìn thấy ? Vì sao ?  + GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời , sau đó dẫn vào bài thơ Câu chuyện của rễ .  | HS nhắc lại+ Một số ( 2 – 3 ) HS trả lời câu hỏi . Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác . |
| **2. Đọc**  |
| -GV đọc mẫu toàn bài thơ . Chú ý đọc diễn cảm , ngắt nghỉ đúng nhịp thơ . -HS đọc từng dòng thơ +Đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 1. + Luyện đọc một số tử ngữ khó. + Đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 2. + Hướng dẫn HS cách đọc , ngắt nghỉ đúng dòng thơ , nhịp thơ . - HS đọc từng khổ thơ + GV hướng dẫn HS nhận biết khổ thơ . + Đọc nối tiếp từng khố . + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài thơ : sắc thắm : màu đậm và tươi ( thường nói về màu đỏ ) ; trĩu : bị sa hoặc cong oằn hẳn xuống vì chịu sức nặng quà trĩu cành nghĩa là quá nhiều và nặng làm cho cành bị cong xuống ; chồi : phần ở đầu ngọn cây cảnh hoặc mọc ra từ rễ , về sau phát triển thảnh cành hoặc cây; khiêm nhường : khiêm tốn , không giành cái hay cho mình mà sẵn ong nhưởng cho người khác . + Đọc từng khổ thơ theo nhóm . -Các bạn nhận xét , đánh giả . + 1 – 2 HS đọc thành tiếng cả bài thơ  + Lớp đọc đồng thanh cả bài thơ .  | -Lắng nghe-HS đọc câu lần 1.-Luyện đọc: sắc thắm , trĩu , chối , khiêm nhường , lặng lẽ HS đọc câu lần 2-Nhận biết khổ thơ- Đọc nối tiếp từng khố , 2 lượt .HS đọc đoạn-Luyện đọc nhóm 4-2-3 nhóm đọc trước lớp1 – 2 HS đọc thành tiếng toàn VB |
| **3. Tìm ở cuối các dòng thơ những tiếng cùng vần với nhau**  |
| - Làm việc nhóm , cùng đọc lại bài thơ và tìm những tiếng củng vần với nhau ở cuối các dòng thơ . -Trình bày kết quả . -Nhận xét , đánh giá .  | .-HS trình bày kết quả: cảnh – xanh ; lời – đời ; bé – lễ -HS viết những tiếng tìm được vào vở |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **4. Trả lời câu hỏi**  |
| -GV đọc lại toàn bài a . Nhờ có rễ mà hoa , quả , lá như thế nào ? b . Cây sẽ thế nào nếu không có rễ ? c . Những từ ngữ nào thể hiện sự đáng quý của rễ ? - Gọi HS trả lời- Nhận xét, tuyên dương | -Theo dõia . Rễ chìm trong đất để cho hoa nở đẹp quả trĩu cành , lá biếc xanhb . Nếu không có rễ thì cây chẳng đâm chồi , chẳng ra trái ngọt , chẳng nở hoa tươi ; c . khiêm nhường , lặng lẽ-HS trả lời |
| **5. Học thuộc lòng** |
| - GV treo bảng phụ hoặc trình chiếu hai khổ thơ cuối . -Đọc hai khổ thơ- GV hướng dẫn HS học thuộc lòng hai khổ thơ cuối bằng cách xóa che dần một số từ ngữ trong hai khố thơ này cho đến khi che hết .. Chủ ý để lại những từ ngữ quan trọng cho đến khi HS thuộc lòng hai khổ thơ cuối . –Cho đọc thuộc trước lớp-Nhận xét, tuyên dương | - Một HS đọc thành tiếng hai khổ thơ cuối .-HS học thuộc ong hai khổ thơ-HS nhớ và đọc thuộc cả những từ ngữ bị xoái che dần-HS đọc thuộc |
| **6. Nói về một đức tính em cho là đáng quý**  |
| - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm , mỗi HS nêu ý kiến của mình . - Một số HS nói trước lớp . - GV và HS nhận xét , đánh giá . Cần tạo không khí cởi mở , tôn trọng ý kiến riêng của từng cá nhân  | HS thảo luận nhóm , mỗi HS nêu ý kiến của mình |
| **7. Củng cố**  |
| - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học GV tóm tắt lại những nội dung chính –GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học - GV nhận xét , khen ngợi , động viên HS .  | HS nêu ý kiến về bài học ( hiểu hay chưa hiểu , thích hay không thích , cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào ) |

 Thứ năm ngày 1 tháng 4 năm 2021

**Tiếng Việt : Bài 3: CÂU HỎI CỦA SÓI (T1,2)**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Phát triển kĩ năng đọc:** Đọc đúng, rõ ràng một câu chuyện ngắn và đơn giản, có lời thoại; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh.

**2.Phát triển kĩ năng viết:** Viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc.

**3.Phát triển phẩm chất và năng lực chung:** Yêu quý mọi người và sự quan tâm, cảm thông giữa con người và con người trong cuộc sống; khả năng làm việc nhóm.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Kiến thức ngữ văn

- GV nắm được đặc điểm của truyện ngụ ngôn , mượn chuyện loài vật để nói về việc đời , nhằm thể hiện những bài học về đạo lí và kinh nghiệm sống ; nắm được nội dung của VB Câu hỏi của sỏi , cách thể hiện đặc điểm nhằn vặt và quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện .

 - GV nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB ( ngái ngủ , van nài , nhảy tót , gây gô ) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này .

2. Phương tiện dạy học

Tranh minh hoạ có trong SGK được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp , máy chiếu , màn hình

**III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  |
| Ôn : HS nhắc lại tên bài học trước và nói về điều thú vị học được từ bài học đó . Khởi động : + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi .  a . Các con vật trong tranh đang làm gì ? b . Em thấy các con vật này thế nào ?  - GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời , sau đó dẫn vào bài đọc Câu hỏi của sói . "  | HS nhắc lại-HS trả lời |
| **2. Đọc** |
| -GV đọc mẫu toàn VB . -HS đọc câu + Đọc nối tiếp từng câu lần 1. +Hướng dẫn HS đọc một số từ ngữ khó + HS đọc nối tiếp từng câu lẩn 2. +HD HS đọc những câu dài . - Đọc đoạn+ GV chia VB thành các đoạn ( đoạn : 1 : từ đầu đến rồi tôi sẽ nổi , đoạn 2 : phần còn lại ) . + GV giải thích nghĩa một số từ ngữ khó trong bài ( gái ngủ : chưa hết buồn ngủ hoặc chưa tỉnh táo hơn sau khi vừa ngủ dậy ; van nài ; nói bằng giọng khẩn khoản , Cầu xin ; nhảy tót : nhảy bằng động tác rất nhanh lên một vị trí cao hơn , gây gổ : gây chuyện cải cọ , xô xát với thái độ hung hãn ) . +Đọc trong nhóm. -Đọc toản bài +1em đọc thành tiếng cả bài+ GV đọc toàn bài và chuyển sang phần trả lời câu hỏi  | -HS đọc câu -Luyện đọc từ khó: :van nài , lúc nào , lên , buồn -Luyện đọc câu dài : Một chủ sóc đang chuyển trên cành cây bỗng trượt chân rơi trúng đấu lão sói đang ngải ngà ; Còn chúng tôi lúc nào cũng vui vì chúng tôi có nhiều bạn tốt .- HS đọc nối tiếp từng đoạn trước-Luyện đọc nhóm đôi-1 em đọc cả bài-Lắng nghe |
|  **TIẾT 2****3 , Trả lời câu hỏi**  |
| a . Chuyện gì xảy ra khỉ sóc đang chuyển trên cảnh cây ? b . Sói hỏi sóc điều gì ? c . Vì sao sỏi lúc nào cũng cảm thấy buồn bực ? . GV và HS thống nhất câu trả lời .   | a . Khi đang chuyển trên cành cây , sóc trượt chân rơi trúng đấu lão sói b , Sói hỏi óc vì sao họ nhà sóc cứ nhảy nhót vui đùa suốt ngày , còn sói thì lúc nào cũng thấy buồn bực .c , Sỏi lúc nào cũng cảm thấy buồn bực vì sói không có bạn bè .  |
| **4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi c ở mục 3** |
| -GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi c và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở  - GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu cầu , đặt dấu chấm đúng vị trí .- GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS .  | -Sói lúc nào cũng cảm thấy buồn bực vì sói không có bạn bè.-HS viết câu trả lời vào vở |

**Luyện Tiếng Việt : Ôn bài: CÂU CHUYỆN CỦA RỄ**

**I.MỤC TIÊU:**

- Nhận biết và sắp xếp các từ ngữ thành câu hoàn chỉnh.

- Phân biệt âm tr/ ch; s/x, ng/ngh

- Phát triển kĩ năng quan sát, tìm các tiếng có âm đầu d/gi/ r.

- Phát triển năng lực tự học, giao tiếp, hợp tác, tự chuẩn bị đồ dùng học tập.

**\*** Phát triển phẩm chất học, mạnh dạn tự tin trao đổi ý kiến, tự hòa nhập bản thân với mọi người xung quanh.

**II. CHUẨN BỊ:**

* HS: VBT, bảng con, màu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Khởi động( 7’)** |
| **1.** **Khởi động**: HS hát **2. Bài cũ:**GV đọc cho câu đã viết ở bài trước.- GV nhận xét, tuyên dương | * HS hát
* HS đọc
* HS nhận xét
 |
| **Luyện tập ( 25’)** |
| **3. Bài mới**GV yêu cầu HS mở VBT Tiếng Việt 1**Bài tập bắt buộc: sắp xếp các từ ngữ thành câu và viết lại câu**GV đọc yêu cầuGV yêu cầu HS Làm việc cá nhân-GV nhận xét, tuyên dươg**Bài tập tự chọn:****Bài 1: diền vào chỗ trống**- GV đọc yêu cầu- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi.- GV cho HS đọc lại từ- GV nhận xét tuyên dương.**Bài 2/39**- GV đọc yêu cầu- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân* GV nhận xét HS, tuyên dương.
 | **Bài 1:**Hs nhắc lại yêu cầu.Hs đọc các từ ngữHs đọc lại bài làm: chúng ta cần học những đức tính quý.HS nhận xét**Bài 1:*** HS lắng nghe và thực hiện
* HS đọc
* HS làm bài

a)tr/ch:Nước ch**ảy** róc rách suốt ngày đêm.b)s/xNắng chiếu xuyên qua cửa kính.1. Ng/ngh:

Bạt **ng**àn rừng cây nối tiếp nhau. HS nhận xét**Bài 2:*** HS lắng nghe và thực hiện

 - HS trả lời:* HS nhận xét
 |
| **Vận dụng (3’)** |
| **4. Củng cố, dặn dò:**- GV cho HS đọc lại câu đã viết - Dặn HS về nhà học bài, hoàn thiện các BT chưa hoàn thành vào VBT, chuẩn bị bài tiếp theo.- Nhận xét, tuyên dương HS. | * HS lắng nghe và thực hiện
 |

**Tiếng Việt TC** : **Ôn bài : CÂU HỎI CỦA SÓI**

**A. Mục tiêu**

Giúp HS:

*-* Hoàn thành những nội dung chưa kịp hoàn thành vào buổi sáng trong tuần ở vở tập viết .

- Củng cố và nâng cao một số kiến thức, kĩ năng đã học trong tuần 27 với bài “*Câu hỏi của Sói"* .

+ Phát triển kĩ năng viết thông qua hoạt động viết lại đúng câu sau khi đã sắp xếp.

+ Phát triển kĩ năng đọc thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một câu chuyện ngắn và đơn giản.

+ Phát triển kĩ năng nói và nghe thông qua trao đổi về về nội dung văn bản.

 + Phát triển phẩm chất và năng lực chung: Yêu quý mọi người và sự quan tâm, cảm thông giưa con người với con người trong cuộc ; khả năng làm việc nhóm.

**B. Đồ dùng dạy học:**

- Gv: Văn bản nội dung bài “*Câu hỏi của Sói*”

- Gv: Tranh minh hoạ, văn bản nội dung bài " *Cháu ngoan của bà "*

- Hs: Vở tập viết , vở bài tập Tiếng Việt.

**C. Các hoạt động dạy và học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **I- Khởi động:**- Hát .- GV dẫn vào nội dung ôn tập.**II- Luyện tập:****Hoạt động 1: Củng cố****-** Yêu cầu hs kể tên nhưng người bạn thân ?- Để có nhiều bạn bè chúng ta cần phải làm gì?- Nhận xét.**Hoạt động 2: Luyện tập***\* Đối với HS chưa hoàn thành bài trong tuần*- GV yêu cầu HS lấy vở Tập viết 1 tập 2 hoàn thành các nội dung còn lại.*\* Đối với HS đã hoàn thành bài trong tuần****1. Bài tập bắt buộc***- GV yêu cầu HS mở vở Bài tập Tiếng Việt 1 tập 2 trang 39.- Gọi HS đọc yêu cầu của bài tập bắt buộc.- GV nêu nhiệm vụ và cho HS thảo luận nhóm 2- Gọi các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận.- GV và HS thống nhất phương án đúng.*a. Sóc vui vẻ vì không làm điều ác.**b.Sóc có nhiều bạn bè vì vui vẻ.*- Yêu cầu HS viết vào vở câu đúng- Gv chấm bài, nhận xét.***2. Luyện đọc mở rộng***- GV chiếu nội dung văn bản cần luyện đọc .***Cháu ngoan của bà***1. Bà nội của Lan đa già. Bà đau chân, bà phải chống gậy để đi cho vưng. Lan thương bà lắm, bà cung rất yêu quý Lan.2. Môi buổi đi học về Lan kể chuyện ở lớp, đọc thơ, đọc truyện cho bà nghe. Bà vui lắm, khen Lan: " cháu của bà ngoan quá!.3. Mùa đông đến, mẹ Lan lo đêm ngủ bà rét. Thấy vậy Lan nói với mẹ.- Con se ngủ cùng bà, con ôm bà để bà ấm.4. Thế là đêm nào Lan cung ôm bà ngủ ngon lành. Với bà mùa đông năm nay thật là ấm áp. *(Sách TVL1-Tập2 Cùng học để phát triển năng lực)*- GV đọc mẫu và yêu cầu HS đọc thầm văn bản.- Gọi HS đọc nối tiếp câu- Gọi HS đọc nối tiếp đoạn.- Yêu cầu HS trao đổi nhóm 4 về những gì đã đọc.- Gọi HS chia sẻ trước lớp.- Gọi HS nhận xét, bổ sungBài 5: VBT/41 ( Dành cho HS hoàn thành tốt)- Cho HS đọc yêu cầu- HS làm bài cá nhân- Cho HS đọc bài làm- GV nhận xét, bổ sung ( nếu có)**III- Nhận xét – Dặn dò:**- Nhận xét tiết học. | - HS nghe, hát và nhún nhảy theo.- HS kể - Hs trả lời- nhận xét.- HS HT bài với sự giúp đỡ của GV.- HS mở vở.- HS đọc yêu cầu.- HS thảo luận nhóm.- Đại diện các nhóm trình bày.- Hs làm bài.- HS quan sát .- HS đọc thầm- HS đọc nối tiếp câu.- HS đọc nối tiếp đoạn.- HS trao đổi nhóm 4.- Đại diện các nhóm chia sẻ.- HS nhận xét, bổ sung (nếu có)- HS lắng nghe.- HS đọc - Hs làm việc cá nhân- HS đọc, HS nhận xét- HS lắng nghe |

Luyện toán :BÀI 31 : PHÉP TRỪ SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ(T3)

**I. MỤC TIÊU: Giúp HS**

 **1. Phát triển các kiến thức.**

* Hiểu được ý nghĩa thực tế của phép trừ (hình thành phép trừ qua bài toán thực tế).
* Thực hiện được phép trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số.

 **2. Phát triển các năng lực chung và phẩm chất.**

* Giải các bài toán thực tế có liên quan đến phép trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số.

Rèn luyện tư duy, khả năng diễn đạt giao tiếp khi giải toán vui, trò chơi, toán thực tế,..

II

**II. CHUẨN BỊ:**

* GV: Tranh, ảnh; bảng phụ, phiếu BT, bộ đồ dùng Toán 1.
* HS: Bảng con, VBT.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

**Tiết 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **KHỞI ĐỘNG: 2’** |
| - GV cùng cả lớp hát- GV giảng giải, dẫn dắt vào bài học.- Ghi bảng: Phép trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số | - Cả lớp hát- HS nhắc lại tên bài |
| **LUYỆN TẬP:30’** |
| **Bài 1/57: Đặt tính rồi tính****-**  GV gọi Hs đọc đề bài.- GV yêu cầu HS nêu cách đặt tính.- Yêu cầu HS làm bài vào vở, 2 HS làm bảng phụ.- GV cùng HS nhận xét**Bài 2/57:** a. Tô màu đỏ phép tính có kết quả bằng 50, màu xanh vào ô có kết quả lớn hơn 50, màu vàng vào ô có kết quả nhỏ hơn 50.- GV nêu yêu cầu của bài.- Để tô đúng màu sắc đề bài yêu cầu ta làm thế nào?- Cho cả lớp làm vở.- GV mời HS lên bảng chia sẻ bài làm - GV cùng HS nhận xét.**Bài 3/58:** Viết số thích hợp vào ô trống-  GV nêu yêu cầu của bài.- GV cho HS làm vở.- GV mời HS lên bảng chia sẻ- GV cùng HS nhận xét.**Bài 4/58:** Trò chơi- GV hướng dẫn luật chơi.- GV cho học sinh chơi theo nhóm 2.- Cho HS chia sẻ bài làm.- GV cùng HS nhận xét. | - HS đọc đề.- HS nêu.- 2 HS làm bảng phụ, cả lớp làm bài vào VBT- HS chia sẻ bài làm- HS nhận xét, chữa bài.- HS lắng nghe.- Ta phải tìm kết quả các phép tính.- Cả lớp làm vở.- HS chia sẻ.- HS nhận xét. - HS làm vở.- 2 HS lên bảng chữa bài.- HS nhận xét bài làm của bạn.- HS lắng nghe.- HS chơi theo nhóm 2 và làm VBT.- HS chia sẻ.- HS nhận xét bạn |
| **VẬN DỤNG: 3’** |
| **4. Củng cố, dặn dò:****-** Bài học hôm nay con biết thêm điều gì?- Nhắc nhở, dặn dò HS hoàn thành các bài tập trong VBT.- Nhận xét tiết học, tuyên dương. | - HS chia sẻ. |

***Thứ sáu ngày 2 tháng 4 năm 2021***

**HĐTN: SINH HOẠT TẬP THỂ TUẦN 27**

 **I. Mục tiêu:**

 - Giúp biết được những ưu điểm và hạn chế về việc thực hiện nội quy, nề nếp trong 1 tuần học tập vừa qua.

 - GD chủ đề 7 “ Tham gia hoạt động cộng đồng”

 - Biết được bổn phận, trách nhiệm xây dựng tập thể lớp vững mạnh, hoàn thành nhiệm vụ học tập và rèn luyện.

 - Hình thành một số kỹ năng về xây dựng tập thể, kỹ năng tổ chức, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng điều khiển và tham gia các hoạt động tập thể, kỹ năng nhận xét và tự nhận xét; hình thành và phát triển năng lực tự quản.

 - Có ý tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trước tập thể, có ý thức hợp tác, tính tích cực, tự giác trong hoạt động tập thể, ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của tập thể, phấn đấu cho danh dự của lớp, của trường.

 **II. Chuẩn bị:** Chia thành nhóm, hoạt động theo Ban.

 **III. Các hoạt động dạy – học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ổn định:** CTHĐTQ lên ổn định lớp học.**2. Sơ kết tuần và kế hoạch tuần sau****a) Sơ kết tuần học**\* Mục tiêu: Biết được những ưu điểm và tồn tại trong việc thực hiện nội quy lớp học.- CTHĐTQ mời lần lượt các trưởng ban lên báo cáo, nhận xét kết quả thực hiện các mặt hoạt động của lớp trong tuần qua.- CTHĐTQ nhận xét chung.- Tuyên dương, đồng thời nhắc nhở.(nếu có).- CTHĐTQ mời GVCN cho ý kiến.**b) Xây dựng kế hoạch tuần tới**Mục tiêu: Biết được cách lập kế hoạch trong tuần tiếp theo.**-** CTHĐTQ yêu cầu các trưởng ban dựa vào nội dung cô giáo vừa phổ biến, các ban lập kế hoạch thực hiện. - Lần lượt các Trưởng ban báo cáo kế hoạch tuần tới. - CTHĐTQ: Nhận xét chung.- Chốt lại và bổ sung kế hoạch cho các ban.**3. Sinh hoạt theo chủ đề**  Tổ chức cho HS :- Nói lời chúc mừng Ngày Quốc tế Phụ nữ 8-3 với cô giáo, các bạn nữ và những bg]ời phụ nữ xung quanh em.- Chia sẻ cảm xúc khi em giúp đỡ hàng xóm:+ Những lời nói, hành động thân thiện, kính trọng, lễ phép em đã thể hiện với những người hàng xóm.+ Cảm xúc của em khi nhận được những lời khencuar những người hàng xóm về hành động thân thiện, lễ phép em đã thể hiện với họ. - Khen ngợi những HS mạnh dạn chia sẻ. **ĐÁNH GIÁ****a) Cá nhân tự đánh giá**- HD tự đánh giá em đã nhận biết được hành vi yêu thương theo các mức độ dưới dây:-Tốt, Đạt, Cần cố gắng **b) Đánh giá theo nhóm:**- HD nhóm trưởng điều hành để các thành viên trong nhóm đánh giá lẫn nhau về các nội dung trên và thái độ tham gia hoạt động có tích cực, tự giác, hợp tác, trách nhiệm,… hay không**c) Đánh giá chung**  - Dựa vào quan sát, tự đánh giá của từng cá nhân và đánh giá của các nhóm để đưa ra nhận xét, đánh giá chung**4. Củng cố - dặn dò**- Nhận xét tiết học của lớp mình.- Dặn dò nhắc nhở  | - Hát một số bài hát. - Các trưởng ban nêu ưu điểm và tồn tại việc thực hiện hoạt động của các ban.- CTHĐTQ nhận xét chung.- Nghe.- Nghe.- Các ban thực hiện theo CTHĐ.- Các ban thảo luận và nêu kế hoạch tuần tới.- Tham gia chia sẻ- Nhận xét, có thể bổ sung thêm- Tự đánh giá- Các nhóm đánh giá. |

**Tiếng Việt : Bài 3: CÂU HỎI CỦA SÓI (T3,4)**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Phát triển kĩ năng viết:** Hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn ngắn.

**2.Phát triển kĩ năng nói và nghe:** Trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

**3.Phát triển phẩm chất và năng lực chung:** Yêu quý mọi người và sự quan tâm, cảm thông giữa con người và con người trong cuộc sống; khả năng làm việc nhóm; khả năng nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt câu hỏi.

- GD ĐP: Chủ đề 8: Học sinh Quảng Nam với 5 điều Bác Hồ dạy

Điều 1: Giao tiếp, cư xử với người xung quanh(hđ 7)

**II. CHUAN BI**

1. Kiến thức ngữ văn

- GV nắm được đặc điểm của truyện ngụ ngôn , mượn chuyện loài vật để nói về việc đời , nhằm thể hiện những bài học về đạo lí và kinh nghiệm sống ; nắm được nội dung của VB Câu hỏi của sỏi , cách thể hiện đặc điểm nhằn vặt và quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện .

 - GV nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB ( ngái ngủ , van nài , nhảy tót , gây gô ) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này .

2. Phương tiện dạy học

Tranh minh hoạ có trong SGK được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp , máy chiếu , màn hình

**III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở**  |
| - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu . -GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả . - GV và HS thống nhất các câu hoàn chỉnh . -Yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở . - Kiểm tra và nhận xét bài của một số HS . | HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu( a . Mấy chú chim sẻ đang nhảy nhót trên cành cày : b . Người nào hay gây gổ thì sẽ không có bạn bè . ) -Viết câu hoàn chỉnh vào vở |
| **6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh** |
| -GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh . - GV yêu cầu HS làm việc nhóm , quan sát tranh và nói nội dung tranh theo các từ dã gợi ý .- GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh . - HS và GV nhận xét .  | HS làm việc nhóm , quan sát tranh và nói nội dung tranh theo các từ dã gợi ý |

**TIẾT 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **7. Nghe viết**  |
| -GV đọc to cả đoạn văn : Sói luôn thấy buồn bực vì sói không có bạn bè . Còn sóc lúc nào cũng vui vẻ vì sóc có nhiều bạn tốt . - GV lưu ý HS một số văn đề chính tả trong đoạn viết : +Luyện viết từ khó+Viết lùi đầu dòng . Viết hoa chữ cái đầu câu , kết thúc câu có chấm ,-GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế , cầm bút đúng cách . Đọc và viết chính tả : + GV đọc từng câu cho HS viết . Mỗi câu cần đọc theo từng cụm tử +, GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi . + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi . + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS . | -Lắng nghe+Từ dễ viết sai: sói , sóc , vui vẻ-HS ngồi đúng tư thế , cầm bút đúng cách .-HS viết bài vào vở- HS rà soát lỗi .+ HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi |
| **8 , Chọn dấu thanh phù hợp thay cho chiếc lá** |
| - GV có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu . - GV nêu nhiệm vụ . HS làm việc nhóm đôi để tìm dấu thanh phù hợp . | - Một số ( 2 - 3 ) HS lên trình bày kết quả trước lớp ( có thể điền vào chỗ trống của từ ngữ được ghi trên bảng ) . - Một số HS đọc to các từ ngữ . Sau đó , cả lớp đọc đồng thanh một số lần  |
| **9. Giải ô chữ Đi tìm nhân vật** |
| - GV hướng dẫn HS giải đố . . Tên nhân vật cần tìm xuất hiện ở cột dọc là SOC

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| C | H | I | M | S | Â | U |
|   |  | C | H | Ó |  |
|  | C | Ú | M | È | O |

 | - HS đọc từng câu đố . HS viết kết quả giải đố vào vở |
| **10. Củng cố**  |
| GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học . GV tóm tắt lại những nội dung chỉnh . GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học , - GV nhận xét , khen ngợi , động viên HS  | - HS nêu ý kiến về bài học ( hiểu hay chưa hiểu , thích hay không thích , cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào ) .  |